

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNST

Ngày: 03/3/2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M-TP.CẦN THƠ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nghiêm

2. Ông Nguyễn Mạnh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân quận M.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Tuyết T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Khu vực B H A, phường P T, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Ma Công Quý Đ**, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Khu vực B H A, phường P T, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai:

Bà Phan Thị Tuyết T và ông Ma Công Quý Đ xây dựng hôn nhân vào năm 2004, hôn nhân của ông bà là tự nguyện thương yêu được cha mẹ đồng ý, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, theo bà T là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường bất hòa về tình cảm, nên thường xuyên cãi vã, bà cố nín nhịn để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả nên bà sống ly thân từ đó đến nay; còn ông Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do

bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm. Ông cố gắng duy trì hôn nhân để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không đạt được. Xét thấy hôn nhân không đạt, kéo dài không có hạnh phúc nên bà T có đơn khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ. Ông Đ thì không đồng ý vì ông còn thương vợ con muốn đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Ma Công T, (nam) sinh ngày 21/3/2005, Ma Phan Bảo T, (nữ) sinh ngày 04/8/2011. Hiện bà T đang nuôi, khi ly hôn bà T xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Còn ông Đ, trường hợp bà T vẫn giữ ý định ly hôn, thì ông đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà T yêu cầu được ly hôn; được nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

- Ông Đ không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Nếu bà T vẫn giữ ý định ly hôn, thì về con chung ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về quan hệ pháp luật:* Bà Phan Thị Tuyết T và ông Ma Công Quý Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T, quận M, thành phố Cần Thơ vào ngày 04/02/2004 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống bà T, ông Đ có phát sinh mâu thuẫn và bà T có đơn khởi kiện ly hôn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]*Về quan hệ hôn nhân:* Xét bà T và ông Đ chung sống từ năm 2004. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường bất hòa về tình cảm, nên thường xuyên cãi vã. Cả hai đã nhiều lần cố gắng hòa hợp để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con nhưng không đạt được và sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn, còn ông Đ thì cho rằng còn thương vợ con, muốn vợ chồng được đoàn tụ, nhưng kể từ

khi mâu thuẫn xảy ra đến nay ông không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà trái lại tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Điều đó chứng minh mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Đối chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, việc ly hôn theo yêu cầu của bà T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Ma Công T, (nam) sinh ngày 21/3/2005, Ma Phan Bảo T, (nữ) sinh ngày 04/8/2011 hiện bà T đang nuôi. Ông Đ đồng ý để bà T tiếp tục nuôi con chung, vì vậy thấy rằng nên giữ ổn định cho bà T được tiếp tục nuôi con chung đến trưởng thành là phù hợp. Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở thực hiện quyền này.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà T không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của đương sự nên không cần đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T và ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phan Thị Tuyết T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị Tuyết T được ly hôn với ông Ma Công Quý Đ.

- *Về con chung*: Giao 02 con Ma Công T (nam, sinh ngày 21/3/2005), Ma Phan Bảo T (nữ, sinh ngày 04/8/2011) cho bà Phan Thị Tuyết T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết T phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 011480 ngày 19/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành tiền án phí (công nhận bà T đã nộp xong).

-Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP/CT;
- VKSND – Q. M;
- Chi cục THADS- Q. M;
- UBND phường P T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phi Hùng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phi Hùng

